

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H.N
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.N, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Bình.

Ông Nguyễn Sơn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Cư trú tại: ấp P, xã P, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1977.

Cư trú tại: ấp P, xã P, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T có mặt tại phiên tòa, ông H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông H cưới nhau vào năm 2011, trước khi cưới không có tìm hiểu trước do mai mối, cưới xong sống bên gia đình ông H, đăng ký kết hôn vào ngày 07/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp, thời gian đầu sống chung hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông H thường xuyên xúc phạm chửi và đánh bà, không lo cho gia đình, cố gắng nhịn vẫn sống chung, đến tháng 3 năm 2020 về nhà mẹ sinh sống, từ khi không sống chung không có gặp nhau hàn gắn. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông H tình cảm không còn.

Về con chung: Bà T trình bày thời gian sống chung với ông H có con chung Lê Thị Bảo N, sinh ngày 22/4/2011, Lê Quang V, sinh ngày 30/01/2016, bà yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà T trình bày sống chung với ông H có tài sản, đề tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà T trình bày sống chung với ông H không có nợ ai hoặc ai nợ lại, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Thanh H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về việc thu thập, tài liệu chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, không có ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát: từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật, về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, về con chung: Bà T được nuôi dưỡng Lê Thị Bảo N, sinh ngày 22/4/2011, Lê Quang V, sinh ngày 30/01/2016, ông H không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu, về tài sản chung và nợ chung: không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ việc xét xử vắng mặt phù hợp với Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H. Đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông H phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, đăng ký kết hôn vào ngày 07/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp, theo bà T trình bày thời gian đầu sống chung hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông H thường xuyên xúc phạm chửi và đánh bà T, không lo cho gia đình, cố gắng nhin vẫn sống chung, đến tháng 3 năm 2020 về nhà mẹ sinh sống, từ khi không sống chung không có gặp nhau hàn gắn, cho thấy ông H không quan tâm gia đình, đã là vợ chồng phải thương yêu đùm bọc lẫn nhau, khi nhận văn bản tố tụng không trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa là do ông H từ bỏ quyền lợi của mình. Vì vậy, hôn nhân giữa bà T và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho bà T ly hôn với ông H phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Lê Thị Bảo N, sinh ngày 22/4/2011, Lê Quang V, sinh ngày 30/01/2016, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét, từ khi bà T và ông H không sống chung Bảo N, Quang V do bà T nuôi dưỡng, Bảo N trình bày nguyện vọng sống với bà T. Vì vậy, giao Bảo N, Quang

V cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà T trình bày sống chung với ông H có tài sản, đề tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Phát biểu của Kiểm sát viên giải quyết vụ án. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0003065 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Thanh H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được nuôi dưỡng Lê Thị Bảo N, sinh ngày 22/4/2011, Lê Quang V, sinh ngày 30/01/2016, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0003065 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.N.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H.N;
- Chi cục THADS huyện H.N;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Dũng